

CÔNG TY TNHH NHẤT THỊNH AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHẤT THỊNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT THINH AN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT THINH AN CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110523637

3. Ngày thành lập: 27/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, Số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888814566

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá.)	4530
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đầu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
15.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục	8560
19.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
20.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa thiết bị điện tử như: Máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Máy vi tính để bàn, máy tính xách tay	9511

21.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng.	6311
22.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
23.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (loại trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí) Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
24.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán)	7020
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình - Giám sát thi công xây dựng, bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều); Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình - Tư vấn đấu thầu - Lập hồ sơ mời thầu	7110
26.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120
27.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
28.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320

29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết:- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đánh giá môi trường chiến lược; Đánh giá sơ bộ tác động môi trường - Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
31.	Bán buôn tổng hợp (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
33.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
34.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
35.	In ấn Chi tiết: Thiết kế mẫu in, in và các dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành).	1811
36.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
37.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
38.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
39.	Đúc sắt, thép (Trừ sản xuất vàng miếng)	2431
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
42.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
43.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
44.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
45.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
46.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
47.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
48.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
49.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
50.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814

51.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
52.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
53.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
55.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	5610
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
62.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
63.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: - Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính. - Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến. (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
64.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Việc sản xuất các phim điện ảnh, phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình. (Trừ các chương trình Nhà nước cấm);	5911
65.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động sản xuất ghi âm gốc như ghi băng, đĩa CD	5920
66.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Điểm truy nhập Internet công cộng có cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; Đại lý Internet; điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	6190(Chính)

67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (trừ máy bay và kinh khí cầu)	7730
68.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
69.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi Chi tiết: Sản xuất trò chơi điện tử: video giải trí, cờ...	3240
70.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ sản xuất răng giả) Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế	3250
71.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
72.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
73.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
74.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
75.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
76.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
77.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
78.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
79.	Thu gom rác thải độc hại (Trừ các loại nhà nước cấm)	3812
80.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
81.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Trừ các loại nhà nước cấm)	3822
82.	Tái chế phế liệu (Trừ các loại nhà nước cấm)	3830
83.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
84.	Xây dựng nhà để ở	4101
85.	Xây dựng nhà không để ở	4102
86.	Xây dựng công trình thủy	4291
87.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
88.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
89.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
90.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
91.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
92.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
93.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

